



Lời Tòa soạn:

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới - là biểu tượng của sự kết hợp hài hòa, đẹp đẽ nhất của văn hóa dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa nhân loại; giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Người là biểu tượng sáng ngời của phong trào giải phóng dân tộc, hòa bình và hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới. Tư tưởng, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng cao cả của Người là cội nguồn, gắn liền với bước phát triển và thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Nhân Kỷ niệm 130 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tạp chí Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một số nghiên cứu về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thăm đượm trong văn chương của Người.

BÁC HỒ CỦA CHÚNG TA

◆ PGS. TS. NGUYỄN THẾ KỶ*

Mỗi lần nói những lời triu mến, thân thương về Bác Hồ kính yêu; mỗi dịp kỷ niệm Ngày sinh của Người; nghiên cứu, học tập và làm theo Người, chúng ta, bạn bè ta, nhất là các khoa học, thường nêu câu hỏi: Những gì đã tạo dựng, đã hun đúc nên thiên tài Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới? Tại sao ở trong con người Hồ Chí Minh lại kết hợp hài hoà, phong phú, bền chặt nhiều phẩm chất cao quý đến như vậy: một người yêu nước, thương dân hết mực; một chiến sĩ đấu tranh không mệt

mỏi để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; một lãnh tụ cộng sản xuất sắc, nhân hậu, được nhiều người, nhiều dân tộc ngưỡng mộ, tôn vinh; một người hiền của mọi thời đại.

1. Quê hương yêu dấu

Quê Bác nằm ở hạ lưu sông Lam của xứ Nghệ, nơi hội tụ của các trung tâm văn hoá vùng Bắc Trung Bộ; nơi phát tích nhiều nền văn hoá cổ, một vùng văn hoá - dân tộc học đặc sắc. Cụ nghệ Nguyễn Xuân Ôn, một trong những lãnh tụ xuất sắc của phong trào Cần Vương cuối thế kỷ XIX từng ca ngợi quê hương mình: “Non nước châu Hoan đẹp tuyệt vời/ Sinh ra trung nghĩa biết bao người”. Bác Hồ của chúng ta sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo yêu

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật Trung ương

nước, ở một vùng quê giàu truyền thống văn hiến và cách mạng. Vùng quê ấy, trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, thường xuyên đương đầu với muôn vàn thử thách, tàn phá do giặc giã, thiên tai, trong khổ đau vẫn gan góc, trong mất mát vẫn kiên cường, trong đói nghèo vẫn “đói sạch, rách thơm”; là “đất phen đậu”, “đất Cối Kê”, “thành đồng ao nóng của nước”. Trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông hung bạo từng tung hoành vó ngựa xâm lăng suốt cả một vùng đất rộng dài từ Á sang Âu, khi đất nước ở vào tình thế nước sôi lửa bỏng, ngàn cân sợi tóc, vua Trần Nhân Tông vẫn tin tưởng: “Cối Kê cự sự quân tu ký, Hoan Diển do tồn thập vạn binh” (tạm dịch: chuyện cũ Cối Kê người nên nhớ, Hoan Diển kia còn chục vạn binh). Nhìn trong lịch sử dân tộc, những tên tuổi lớn như Mai Hắc Đế, Hồ Quý Ly, Nguyễn Huệ - Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Nguyễn Trường Tộ... hoặc sinh ra hoặc khởi nghiệp và thành danh ở nơi này. Ở thời hiện đại, cùng với Hồ Chí Minh, nhiều nhà lãnh đạo xuất sắc của Đảng ta như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Lê Hồng Sơn, Phạm Hồng Thái, Lý Tự Trọng, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Sĩ Sách... cũng là những người con ưu tú của đất Hồng Lam.

Bác Hồ sinh ra trong một gia đình có truyền thống nho học nguồn gốc nông dân. Ông Nguyễn Sinh Sắc - thân phụ Bác, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được cụ giáo Hoàng Đường đưa về nuôi dưỡng, cho ăn học, rồi

gả người con gái yêu đầu lòng. Khi Bác cất tiếng khóc chào đời, khói lửa của phong trào Cần Vương - bên kia sông Lam là cuộc dấy nghĩa của Phan Đình Phùng, Cao Thắng, ở ngay núi Chung trước nhà là của Vương Thúc Mậu... dần lắng xuống. Thân mẫu Bác thường ru con những câu ca da diết: “Con ơi nhớ lấy câu này/ Chăm lo đèn sách cho tày áo com/ Làm người đói sạch rách thơm/ Công danh phải nhẹ, nước non phải đều”. Lớn lên chút nữa, những cuộc đàm đạo văn chương, thể sự của thân phụ Bác với các vị túc nho như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân đã nhen lên trong tâm khảm Bác và người chị, người anh lòng yêu nước nồng nàn, chí căm thù lũ giặc sâu sắc. Ông Nguyễn Sinh Sắc, dù đậu Phó bảng, dù được bổ làm quan vẫn trước sau xa xót: “Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ hựu nô lệ” (quan trường là nô lệ trong đám người nô lệ nên càng nô lệ hơn). Chị gái của Bác - bà Nguyễn Thị Thanh, anh trai Bác - ông Nguyễn Sinh Khiêm, đều được học hành chu đáo, tham gia các hoạt động yêu nước, đều bị chính quyền thực dân, phong kiến cầm tù, quản chế. Truyền thống vẻ vang của quê hương và gia đình đã ảnh hưởng sâu sắc đến tuổi ấu thơ của Bác, đến việc hình thành nhân cách, tư tưởng, đạo đức của Bác. Sau này, trên con đường bốn ba tìm đường cứu nước, được hoà mình trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Á, Âu, Phi, Mĩ, Úc; được tiếp xúc với chủ nghĩa Marx - Lenin và ánh sáng Cách mạng Tháng Mười Nga, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát triển truyền thống văn hoá, yêu nước và cách

mạng của dân tộc, của quê hương lên tầm cao mới: chủ nghĩa yêu nước mang nội dung nhân bản sâu sắc; giải phóng dân tộc đi liền với giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người; đề cao con người là nhân tố quyết định của lịch sử; cách mạng dân tộc, dân chủ phải phát triển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa; sức mạnh dân tộc phải gắn liền với sức mạnh thời đại; đặc biệt coi trọng vai trò “là gốc”, “là người chủ” của nhân dân, sức mạnh to lớn đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó là những đóng góp hết sức quan trọng của Người đối với giá trị văn hoá Việt Nam và cả nhân loại.

2. Một con người của “nền văn hóa tương lai”

Năm 1987, Đại hội đồng UNESCO lần thứ 24 tại Paris, nước Pháp đã ra Nghị quyết 24C/18.65 về việc kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1990, đúng 100 năm Ngày sinh của Người, vinh danh Người là “Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hoá thế giới”¹. Nhưng 97 năm trước, năm 1923, nhà thơ Xô viết Ô-xíp Man-đen-stan đã viết về Nguyễn Ái Quốc - tên Người lúc đó - trên tạp chí Ogoniok, số 39: “Từ Nguyễn Ái Quốc toả ra một nền văn hoá, không phải là văn hoá châu Âu mà có lẽ là nền văn hóa của tương lai”... “Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giản dị và lịch sự. Qua cử chỉ cao thượng, tiếng nói trầm lắng của Nguyễn Ái Quốc, tôi thấy được ngày mai, thấy được viễn cảnh trời yên bể lặng của tình hữu ái toàn thế giới bao la như đại dương”².

Dẫu bốn ba bốn biển năm châu, dẫu xa quê khi còn rất trẻ, Người luôn yêu quý,

luôn khắc khoải về đất nước, quê hương. Người nhớ nằm lòng nhiều làn điệu hát ví, hát dặm, hát phường vải của quê nhà. Người sử dụng rộng rãi, linh hoạt, tài tình các thể loại văn học truyền thống, các hình thức sinh hoạt văn hoá dân dã như tập Kiều, lấy Kiều, vịnh Kiều, tập cổ, thơ lục bát, thơ tự vịnh, thơ cổ điển, thơ mừng tuổi, thơ chúc tết, chúc thọ. Người ưa lấy Kiều và đã vận dụng nghệ thuật dân gian này đến độ sáng tạo, tinh tế. Người không nhận mình là một nhà thơ, nhà văn “Ngâm thơ ta vốn không ham”... Người làm thơ, viết văn, viết báo, chụp ảnh, ký hoạ có khi là để mưu sinh, nhưng cao hơn là để phong phú hóa, thanh bạch hóa cuộc sống thường nhật gian khổ, khó khăn của mình, là để phục vụ cách mạng. Trong thơ văn, Người hay dùng tục ngữ, ca dao, dân ca, lối nói ví von, so sánh sinh động, dễ hiểu của nhân dân lao động. Người yêu mến và say sưa nghiên cứu các tác phẩm văn chương cổ điển của Việt Nam, Trung Quốc, Pháp và các nước khác. Người nhắc nhở mình và mọi người “Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong”. Văn chương, thơ ca của Người giản dị, chân chất, nhân văn như tính mộc mạc, đầm ấm của người Nghệ, lại có cái sâu sắc, thâm thúy, uyên bác của các nhà hiền triết phương Đông, phương Tây; cổ điển và hiện đại, xứ sở và dân tộc, bình dân và bác học... hoà quyện một cách nhuần nhuyễn, sống động, tài tình.

Trên con đường hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt chân lên hầu khắp các châu lục, nhiều quốc gia, nhiều nền văn hoá, thông thuộc nhiều

thứ tiếng nước ngoài. Vậy mà, một đêm ở Thái Lan xa xôi, Người thốt lên “Xa nhà chốc mấy mươi niên/ Đêm qua nghe tiếng mẹ hiền ru con”. Người vẫn giữ cho mình giọng Nghệ nặng nặng, trầm ấm, chân chất, vang vọng của quê nhà. Sau hàng chục năm xa quê, ngày trở lại, Người xúc động nói: “Quê hương nghĩa trọng tình cao/ Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”. Người không quên lối đi nhỏ vào nhà ngày xưa nơi có hàng râm bụt, cây bưởi, luống rau, luống lạc trước nhà, cây mít, hàng cau phía sau, chiếc võng tuối thơ, chiếc rương gỗ nhỏ - của hồi môn ít ỏi của mẹ - khung cửi của bà, của mẹ, chiếc phan gỗ và mấy pho sách của cha, những câu chuyện kể của ông bà... Người nhớ và ghi sâu công đức người thầy khai tâm của mình, những kỷ niệm với người bạn câu cá, ông thợ rèn, bạn thả diều, chăn trâu, đánh trận giả... Người nhớ và nhắc giúp nghệ sĩ quê nhà hai câu cuối của một bài hát dân ca, về cách phát âm, cách luyện láy một số từ giọng Nghệ khi hát xướng. Trong bữa ăn thường nhật, Người ưa món tương, cà, nhút, vừng của quê nhà.

3. Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới

Năm 15 tuổi, Nguyễn Sinh Cung cùng cha, mẹ và anh Khiêm vào Huế; năm 18 tuổi (1908), Anh tham gia các cuộc biểu tình chống thuế của nông dân tại kinh đô Huế. Năm 1910, trong tên gọi Nguyễn Tất Thành, trên con đường mở mang tầm nhìn, khao khát con đường cứu nước, Bác của chúng ta dừng chân dạy học ở Trường Dục Thanh, thị xã Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, ngôi trường do các sĩ phu yêu nước ở đây lập ra

nhằm hướng ứng phong trào Duy Tân ở Trung Kỳ do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng. Ngày 5.6.1911, tại bến cảng Sài Gòn, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành xuống tàu biển sang phương Tây, như sau này Người kể lại “Tôi muốn đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào ta”³.

Trước đó, Phan Bội Châu đi về phương Đông, nhưng một thực tế hết sức phũ phàng là nước Nhật “đồng chủng”, “đồng cừu” đang phản bội người da vàng, xâm lược Trung Quốc, Triều Tiên, ra lệnh trục xuất chính Phan và các du học sinh Việt Nam yêu nước. Cải cách của Khang, Lương ở Trung Quốc thất bại, cho thấy Trung Quốc không thể đi theo con đường Duy Tân của Nhật Bản. Cách mạng Tân Hợi (1911) của Tôn Văn tuy lật đổ được ngai vàng đế chế, nhưng đã không lật đổ được quyền chiếm hữu ruộng đất và ách bóc lột của địa chủ phong kiến, ách nô dịch của đế quốc tư bản nước ngoài. Nhiều trí thức Việt Nam đương thời cũng sang Pháp, có người chỉ lo học hành, kiếm sống, làm giàu; có người vừa học chữ, vừa tìm đường cứu nước, cứu dân. Luật sư, Tiến sĩ Phan Văn Trường và Phó bảng Phan Châu Trinh tiêu biểu cho nhóm thứ hai. Tuy nhiên, sống và hoạt động ở Pháp nhiều năm, từng tiếp xúc với các lực lượng cánh tả Pháp, vậy mà các ông vẫn không tìm được con đường đúng đắn giải phóng dân tộc, không đến được với chủ nghĩa Marx - Lenin như Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc. Theo báo cáo của Trung ương Đảng Xã hội Pháp thì năm 1913 đã có 7

người Việt Nam vào Đảng Xã hội Pháp, năm 1919 có 80 người Việt Nam tham gia Đảng này, nhưng đến năm 1920 chỉ còn 20 người, duy chỉ có Nguyễn Ái Quốc (vào Đảng Xã hội Pháp năm 1918) trở thành người cộng sản⁴.

Trên con đường bôn ba tìm đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc được hòa mình trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á. Với sự thông minh, mẫn tiệp, nhạy cảm với cái mới, trần trở, khát khao tìm con đường đúng đắn để cứu nước, cứu dân, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp xúc, gạn lọc, đón nhận những tư tưởng tiến bộ của văn hóa phương Tây: chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng, chủ nghĩa duy lý thế kỷ Ánh sáng, tư tưởng dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái của cách mạng Pháp, Anh, Mĩ... Ở Pháp, Người cùng Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường gửi *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Versailles (1919); viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1920); bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ Ba (tức Quốc tế Cộng sản), trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và đương nhiên, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên (1920); sáng lập báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*, 1922), ngay bài viết cho số đầu tiên, Người tuyên bố sứ mệnh tờ báo là “giải phóng con người”. Hơn 10 năm ở trời Tây, vừa vất vả lao động kiếm sống, vừa đấu đấu tìm kiếm con đường cứu nước, cứu dân, Văn Ba - Nguyễn Ái Quốc càng nhận thức rõ: chủ nghĩa tư bản, bè lũ đế quốc, thực dân là những kẻ đã gây ra mọi áp bức, bóc lột, đau khổ cho công nhân, nông dân và các

tầng lớp khác ở cả thuộc địa và ở ngay chính quốc. Theo Người: “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải là chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lenin, tin theo Quốc tế thứ Ba. Từng bước một, trong cuộc đấu tranh vừa nghiên cứu lý luận Marx-Lenin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng, chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”⁵. Người khẳng định: “Muốn giải phóng dân tộc phải tự mình làm lấy”. Người tin tưởng ở con đường đi của mình, tin tưởng ở sức mạnh của nhân dân, của dân tộc. Điều này, rất khác với quan điểm của Phan Bội Châu, của Phan Chu Trinh; vượt qua những giáo lý Khổng, Mạnh hẹp hòi, duy tâm; vượt qua sự hạn chế của chủ nghĩa yêu nước đã khá lỗi thời của các sĩ phu phong kiến và các nhà cách mạng có xu hướng dân chủ tư sản, tiểu tư sản đương thời. Từ chủ nghĩa yêu nước, Người đến với chủ nghĩa cộng sản khoa học, chủ nghĩa Marx-Lenin. Người bắt gặp, đón nhận *Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa* của V. I. Lenin và sự kiện này không hề là ngẫu nhiên, may mắn. Đó là một tất yếu khách quan mang tính khoa học và cách mạng. Chính Phan Châu Trinh, trong một bức thư đề ngày 18 tháng 2 năm 1922 gửi từ Marseille cho Nguyễn Ái Quốc đang ở Paris, đã viết: “Thân tôi tựa như chim lồng, cá chậu... Cảnh tôi như hoa sắp tàn, hiềm vì quốc phá gia vong, mà hơi tàn cũng phải gào cho hả, may ra có tỉnh giấc hồn mê”. Cuối thư, Cụ ví Nguyễn Ái Quốc “như cây đương lộc, nghị lực có thừa, dày công học

hành, lý thuyết tinh thông... không bao lâu nữa cái chủ nghĩa anh tôn thờ (ý nói chủ nghĩa Marx- Lenin) sẽ thâm căn cố đế trong đám dân tình chí sĩ nước ta”⁶.

Điều mà cụ thân sinh Nguyễn Sinh Sắc cùng các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và cả dân tộc mong mỏi, đã theo bước chân của Nguyễn Tất Thành - Văn Ba- Nguyễn Ái Quốc, qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Á, Âu, Phi, Mỹ, Úc; qua ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê nin và cách mạng Tháng Mười Nga, đã lan tỏa, “sâu rễ bền gốc” ở Việt Nam. Để có chuyến trở về nước lịch sử của Nguyễn Ái Quốc ngày 28 tháng 1 năm 1941. Để có Ngày Quốc khánh 2 tháng 9 năm 1945 với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại “Người có tầm nhìn cao rộng và sâu xa, xuyên qua lịch sử, bao quát không gian, thấy sáng tương lai, mở ra những bước ngoặt vĩ đại, đưa dân tộc Việt Nam từ cảnh nô lệ lầm than ra ánh sáng độc lập tự do, từ một đất nước ít ai biết đến trở thành người chiến sĩ tiêu biểu cho cả loài người tiến bộ yêu mến và khâm phục. Đó là tầm nhìn mang ý nghĩa chiến lược, nhìn thấy con đường cứu nước là con đường cách mạng vô sản, độc lập dân tộc gắn bó và hòa nhập với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế vô sản, cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa quyện vào nhau trong không gian và thời gian, ở một nước và trên toàn thế giới”⁷.

Từ Làng Sen, Nam Đàn, Nghệ An, Hồ Chí Minh đã hòa mình cùng cuộc đấu tranh vĩ đại của nhân dân, dân tộc mình; vươn ra

biển lớn để từ một người yêu nước chân chính thành người cộng sản chân chính, một nhà văn hóa lớn của phương Đông và phương Tây. Từ thế giới, Người lại trở về với nhân dân mình, dân tộc mình, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; lập nên nước Việt Nam dân chủ, cộng hòa; làm nên một Điện Biên Phủ “lùng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”; tạo những tiền đề quan trọng cho trận “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm 1972 trên bầu trời Hà Nội, cho Đại thắng mùa xuân 1975 hội tụ ở Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng. Người để lại cho muôn đời sau tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh, con đường Hồ Chí Minh. Người là đóa sen đẹp nhất của dân tộc Việt Nam và là đóa sen đẹp, thanh cao, mẫu mực của nhân loại. ■

Chú thích:

¹ Đại hội đồng UNESCO 24, họp từ 20.10-20.11.1987 ở Paris đã ra Nghị quyết tại Tiểu mục 18.65, mục 18.6.

² *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, 1995, Tập 1, trang 477.

³ Theo cuốn sách *Vừa đi đường vừa kể chuyện* của tác giả T.Lan, bản in năm 1976 của Nhà xuất bản Sự thật.

⁴ *Bác Hồ với quê hương Nghệ Tĩnh*, NXB Nghệ Tĩnh, 1990, trang 146.

⁵ *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập X, trang 126-128 (Bài “Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin”, đăng trên Tạp chí *Các vấn đề phương Đông*, Liên Xô, 1960, nhân kỷ niệm 90 năm Ngày sinh V.I. Lenin).

⁶ *Bác Hồ với đất Quảng*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000.

⁷ Lời Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại buổi gặp mặt với đại biểu cán bộ và nhân dân Nghệ Tĩnh ngày 19 tháng 5 năm 1985.